

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016*



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 30

TRAC
V
BINH
CƠ
A
ON
BAS
DA
T
H
U

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THUR

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thur (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó chủ tịch
Ông Phan Châu	Thành viên
Ông Phạm Ngọc An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Trần Trường Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Thành Trí	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Triệu Quang Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Lê Văn Thật	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 29/4/2016)

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Trần Trường Vũ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Vũ Tuấn Hưng	Giám đốc dự án (bỏ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Lê Đình Tú	Giám đốc điều hành (bỏ nhiệm ngày 01/01/2017)
	Giám đốc tài chính (bỏ nhiệm ngày 01/01/2017)

3. Các hoạt động chính

Khai thác cát; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển,..).

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 05 đến trang 30.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bằng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Nhóm Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Số: 158/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:**CÁC CỔ ĐÔNG****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các công ty Con tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC



Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ ĐÌNH HUYÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		425.300.520.858	463.683.486.927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.493.140.005	10.518.334.990
1. Tiền	111	V.01	2.493.140.005	10.518.334.990
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		406.723.627.809	414.496.485.289
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	24.985.894.284	30.093.254.188
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	110.735.420.403	186.823.405.519
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	272.311.670.615	195.392.842.120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(1.416.450.690)	(463.829.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	107.093.197	2.650.812.462
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	3.051.554.002	21.181.034.063
1. Hàng tồn kho	141		3.051.554.002	21.181.034.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.032.199.043	17.487.632.585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	106.681.859	16.943.939
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.926.116.288	13.097.064.646
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	2.999.400.896	4.373.624.000
B. Tài sản dài hạn	200		382.450.942.092	308.807.140.347
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.914.376.000	12.593.364.655
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	3.638.726.310	13.310.653.310
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2.330.540.000	2.398.181.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(3.054.890.310)	(3.115.469.655)
II. Tài sản cố định	220		51.827.497.533	31.280.481.259
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	28.871.719.952	5.774.061.726
- Nguyên giá	222		33.305.270.848	7.655.620.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.433.550.896)	(1.881.558.483)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	22.955.777.581	25.506.419.533
- Nguyên giá	225		25.506.419.533	25.506.419.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.550.641.952)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		279.737.656.958	256.586.675.144
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		685.038.874	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	279.052.618.084	256.586.675.144
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		47.971.411.601	8.346.619.289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	47.971.411.601	8.346.619.289
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		807.751.462.950	772.490.627.274



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		199.986.699.591	172.158.066.171
I. Nợ ngắn hạn	310		139.961.695.307	145.883.345.961
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.470.434.960	34.196.815.744
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		992.137.248	8.322.726.648
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	17.053.304.418	24.132.882.644
4. Phải trả người lao động	314		835.875.767	1.326.078.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	57.677.490.142	56.275.541.983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	11.103.996.834	15.673.370.052
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16(*)	35.828.455.938	5.955.930.765
II. Nợ dài hạn	330		60.025.004.284	26.274.720.210
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16(*)	60.025.004.284	26.274.720.210
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.17	607.764.763.359	600.332.561.103
I. Vốn chủ sở hữu	410		607.764.763.359	600.332.561.103
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576.800.000.000	576.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576.800.000.000	576.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.453.616.477	20.285.022.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.285.022.626	9.409.298.925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.168.593.851	10.875.723.701
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.511.146.882	3.247.538.477
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		807.751.462.950	772.490.627.274

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu



Lê Văn Thật
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		140.474.799.822	122.770.369.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		37.372.562	20.077.265.319
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	140.437.427.260	102.693.104.014
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	114.535.317.184	48.056.692.275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.902.110.076	54.636.411.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.143.840.873	156.012.801
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4.925.604.672	1.160.974.359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.360.634.454	1.154.715.339
8. Phần lãi / (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	11.300.559.310	4.891.510.956
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	12.879.819.989	16.211.833.293
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ)	30		(1.060.033.022)	32.528.105.932
12. Thu nhập khác	31	VI.07	8.294.928.364	62.097.062
13. Chi phí khác	32	VI.08	726.161.633	16.348.755.341
14. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		7.568.766.730	(16.286.658.279)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.508.733.709	16.241.447.653
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	155.031.453	5.478.185.473
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.353.702.256	10.763.262.180
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.168.593.851	10.875.723.703
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát / (lỗ)	62		(814.891.595)	(112.461.523)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	124	278
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	124	278

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Thị Hương

Người lập biểu



Lê Văn Thập

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.508.733.709	16.241.447.652
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.102.634.365	794.302.755
Các khoản dự phòng	03	892.042.345	3.579.298.655
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1.433.099)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.474.910.451)	(135.264.394)
Chi phí lãi vay	06	4.360.634.454	1.154.715.339
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.389.134.422	21.633.066.908
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	21.104.975.252	(244.978.436.390)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	17.444.441.187	(17.635.590.825)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32.029.158.990)	113.387.587.770
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(39.714.530.232)	(8.355.711.864)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.832.182.744)	(1.407.151.854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.370.000.000)	(11.774.928.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.007.321.105)	(149.131.164.561)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(48.115.593.579)	(75.809.742.739)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.474.910.451	135.264.394
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.640.683.128)	(73.674.478.345)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	216.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	137.662.311.019	25.828.964.544
Tiền trả nợ gốc vay	34	(69.737.483.007)	(9.521.061.648)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.302.018.765)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	63.622.809.247	232.307.902.896
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.025.194.986)	9.502.259.989
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.518.334.990	1.014.646.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.428.359
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.493.140.004	10.518.334.990

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu



Lê Văn Thật
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 02/10/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Công ty là 576,8 tỷ đồng

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

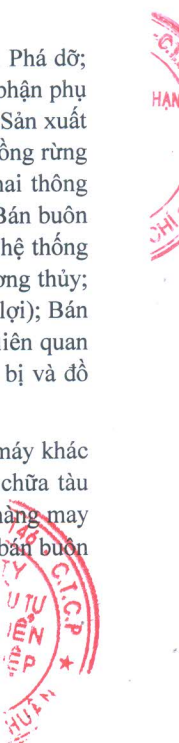
3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Cấu trúc Tập đoàn

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 9 Công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80,00%	80,00%
Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	Tầng 18, tòa nhà Pegasus, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai	Dịch vụ	94,34%	94,34%
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	KCN Phú Mỹ 1, Thị Trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	51,00%	51,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Thiết bị quản lý	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	165.236.952	219.545.727
Tiền gửi ngân hàng	2.327.903.053	10.298.789.263
Cộng	2.493.140.005	10.518.334.990

(*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 1.466,84 USD tương đương 33.219.667 đồng.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	24.047.100.000	-
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	28.614.120.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	938.794.284	1.479.134.188
Cộng	24.985.894.284	30.093.254.188

3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	59.099.001.577
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	4.844.717.211	3.905.512.042
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi (*)	75.000.000.000	75.000.000.000
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	-	6.500.000.000
- Công ty TNHH VLXD Phước Bình	20.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	2.158.700.000	-
- Công ty TNHH XD - TM - Vũ Ngô	2.250.000.000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	6.482.003.192	2.318.891.900
Cộng	110.735.420.403	186.823.405.519

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Dài hạn

- Công ty TNHH Hạnh Vân	583.836.000	-
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1.265.000.000	1.265.000.000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10.000.000.000
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1.263.192.000	1.263.192.000
- Trả trước nhà cung cấp khác	526.698.310	782.461.310
Cộng	3.638.726.310	13.310.653.310

(*) Khoản trả trước đến Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi liên quan đến việc thi công xây dựng mặt bằng cụm công nghiệp Tân Bình theo hợp đồng thi công số 001/2015/ĐXD/REBICO-TL ngày 14/9/2015.

4. - Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	-	-	15.704.000.000	-
- Khoản tiền cho mượn đến Công ty TNHH MTV Cát Tường	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Nam Việt Quốc	147.826.343.750	-	-	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mỏ cát Tân Hà	648.150.000	-	648.150.000	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức và cá nhân	2.878.139.371	(768.816.680)	2.268.801.033	-
- Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
- Phải thu khoản ứng vốn				
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	51.600.000	-	237.200.000	-
- Các khoản tạm ứng	112.712.150.251	-	167.610.302.733	-
+ Ông Trần Thanh Minh	-	-	83.062.521.000	-
+ Ông Trần Thanh Sơn	-	-	30.000.000.000	-
+ Ông Phạm Ngọc An	-	-	22.021.853.657	-
+ Ông Võ Kim Nguyên	83.285.680.000	-	30.000.000.000	-
+ Bà Lê Thị Phương Dung	4.998.000.000	-	-	-
+ Ông Võ Phú Nông	20.000.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	4.428.470.251	-	2.525.928.076	-
- Thuế GTGT liên quan đến TSCĐ thuê tài chính	1.792.087.243	-	2.348.636.363	-
- Thuế GTGT chờ kê khai	-	-	551.532.091	-
- Phải thu khác	403.200.000	201.600.000	24.219.900	-
Cộng	272.311.670.615	(567.216.680)	195.392.842.120	-
b) Dài hạn				
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	2.215.520.000	-	2.215.520.000	-
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	115.020.000	-	182.661.000	-
Cộng	2.330.540.000	-	2.398.181.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ	-	1.450.812.462
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khoản góp vốn mua cổ phần tại Anata Bình Định	-	1.200.000.000
- Tài sản thiếu chờ xử lý khác	107.093.197	-
Cộng	107.093.197	2.650.812.462

6. Nợ xấu	Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu quá hạn từ 01-02 năm	Công ty CP CN Khoáng sản Bình Thuận	1.537.633.360	-	-	-
	Các đối tượng khác	502.214.330	-	-	-
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	463.829.000	-	463.829.000	-
	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1.263.192.000	-	1.263.192.000	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 03 năm	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	1.265.000.000	-	1.265.000.000	-
	Các đối tượng khác	392.094.000	-	392.094.000	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên từ 01 - 02 năm	Các đối tượng khác	134.604.310	-	390.367.310	-
Cộng		5.558.567.000	-	3.774.482.310	-

Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

Số dư đầu năm (01/01/2016)	(3.579.298.655)
Trích lập dự phòng	(1.019.923.845)
Hoàn nhập dự phòng	97.881.500
Xử lý dự phòng nợ phải thu	30.000.000
Số dư cuối năm (31/12/2016)	(4.471.341.000)

7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	40.393.750	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	352.944.214	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	200.008.581	-	185.612.397	-
- Thành phẩm	50.951.095	-	103.373.923	-
- Hàng hóa	2.407.256.362	-	20.892.047.743	-
Cộng	3.051.554.002	-	21.181.034.063	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định thuê tài chính	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Nguyên giá	25.506.419.533	-	-	25.506.419.533
Khấu hao	-	2.550.641.952	-	2.550.641.952
Giá trị còn lại	25.506.419.533			22.955.777.581

Tài sản cố định thuê tài chính tăng kể từ ngày 23/12/2015 là 10 chiếc ô tô đầu kéo Hyundai và 10 Mooc ben tự đổ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00226-000 ngày 20/11/2015. Thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian khấu hao của Công ty là 120 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.587.838.391	2.791.150.000	2.231.290.909	45.340.909	7.655.620.209
Tăng trong năm	12.633.994.382	6.797.382.553	2.951.073.636	3.267.200.068	25.649.650.639
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	15.221.832.773	9.588.532.553	5.182.364.545	3.312.540.977	33.305.270.848
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	868.948.605	566.453.686	429.783.085	16.373.108	1.881.558.484
Khấu hao trong năm	782.873.402	1.122.624.842	401.975.520	244.518.648	2.551.992.412
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.651.822.007	1.689.078.528	831.758.605	260.891.756	4.433.550.896
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.718.889.786	2.224.696.314	1.801.507.824	28.967.801	5.774.061.725
Tại ngày cuối năm	13.570.010.766	7.899.454.025	4.350.605.940	3.051.649.221	28.871.719.952

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.356.009.681 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Cát	1.111.711.639	20.443.044.636
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	24.633.879.136	64.171.892.648
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	96.065.411.795	95.652.877.965
Cụm công nghiệp Tân Bình	6.454.772.185	3.631.535.154
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận (*)	67.934.488.007	66.284.893.060
Dự án xây dựng, lắp đặt và chuyển giao dây chuyền gạch Tuynel	58.071.063.443	636.363.636
Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và văn phòng	7.735.295.196	-
Mua sắm máy móc thiết bị	16.934.898.461	5.515.320.909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	111.098.222	250.747.136
Cộng	279.052.618.084	256.586.675.144

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 31/12/2016	Giá trị còn lại đến 31/12/2016
Quyền sử dụng đất	9.571.758.800	(7.513.659.992)	-	(318.262.703)	1.739.836.105
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32.033.148.574	-	-	-	32.033.148.574
- Tài sản khác:					-
+ Liên quan đến Cảng Lagi	32.440.287.867	-	-	-	32.440.287.867
+ Tài sản chờ xử lý	1.450.812.461	-	-	-	1.450.812.461
- Chi phí xây dựng	270.403.000	-	-	-	270.403.000
Cộng	75.766.410.702	(7.513.659.992)	-	(318.262.703)	67.934.488.007

11. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	106.681.859	16.943.939
b) Dài hạn		
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ (*)	7.904.427.072	7.000.060.927
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	-	-
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thắng Hải 2	590.940.649	1.311.489.900
- Quyền sử dụng đất chờ phân bổ (**)	39.058.375.105	-
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	323.578.998	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	91.352.277	35.068.462
- Chi phí khác chờ phân bổ	2.737.500	-
Cộng	47.971.411.601	8.346.619.289

(*) Bao gồm chi phí ban đầu là 7.000.060.927 đồng và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phân bổ là 904.366.145 đồng. Công ty thực hiện khai thác cát trắng tại xã Tân Phước, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3247/GP-BTNMT ngày 31/12/2014. Thời gian khai thác: 7 năm kể từ ngày cấp Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 01 năm. Trong năm 2016, Công ty chưa triển khai khai thác do chưa hoàn tất thủ tục pháp lý.

(**) Quyền sử dụng đất chờ phân bổ bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất trả tiền thuê đất một lần, là phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư vào Công ty, tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận với diện tích 41.982 m², với thời hạn sử dụng đất đến 14/9/2059, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 31/12/2016 là 11.347.511.701 đồng.

- Chi phí thuê đất tại thửa đất số 370, tờ khai bản đồ số 230 với diện tích 26.880m² tại Xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đến ngày 14/9/2059 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BY 629557 ngày 28/12/2015 từ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 31/12/2016 là 7.259.536.593 đồng. Quyền sử dụng đất này đã được cầm cố và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn để đảm bảo các khoản vay ngắn và dài hạn.

- Chi phí thuê đất trả trước tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đến ngày 14 tháng 9 năm 2059. Công ty đã đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất này, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 31/12/2016 là 20.451.326.811 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	-	-	28.941.000.000	28.941.000.000
- Công ty TNHH MTV Máy móc Nam Anh	2.645.268.960	2.645.268.960	-	-
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH TM VLXD và Xây lắp Kim Châu	1.009.648.134	1.009.648.134	317.263.440	317.263.440
- Công ty TNHH XNK T&G Trường Giang	3.255.820.000	3.255.820.000	-	-
- Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	6.559.697.866	6.559.697.866	4.938.552.304	4.938.552.304
Cộng	16.470.434.960	16.470.434.960	34.196.815.744	34.196.815.744

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	- Thuế GTGT	7.451.158.431	(6.373.645.420)	12.002.920
- Thuế xuất khẩu	-	9.537.800.906	9.537.800.906	-
- Thuế TNDN	6.692.397.726	155.031.453	3.370.000.000	3.477.429.179
- Thuế TNDN của các năm trước	1.674.740.285	(1.674.740.285)	-	-
- Thuế TNCN	81.505.171	126.516.064	43.170.526	164.850.709
- Tiền thuê đất	561.029.480	(377.754.454)	-	183.275.026
- Thuế tài nguyên	1.836.900.830	888.781.425	-	2.725.682.255
- Thuế khác	3.000.000	11.000.000	14.000.000	-
- Các khoản tiền phạt thuế	5.832.150.721	3.604.406.437	-	9.436.557.158
Cộng	24.132.882.644	5.897.396.126	12.976.974.352	17.053.304.418
b) Phải thu				
- Thuế GTGT	-	-	1.995.776.896	1.995.776.896
- Thuế xuất khẩu	3.624.000	-	-	3.624.000
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	3.370.000.000	3.370.000.000	-	-
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Cộng	4.373.624.000	3.370.000.000	1.995.776.896	2.999.400.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13.213.829.845	13.213.829.846
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23.779.248.760	23.779.248.760
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	19.167.940.078	19.167.940.077
- Chi phí lãi vay phải trả	533.167.310	4.715.600
- Chi phí trích trước Các bên liên quan	-	-
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	983.304.149	109.807.700
Cộng	57.677.490.142	56.275.541.983

15. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	179.232.421	427.308.981
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	164.716.665	15.678.000
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	2.887.753.081	2.679.923.537
- Phải trả Ông Nguyễn Văn Dũng liên quan đến khoản tiền mượn	400.000.000	1.200.000.000
- Phải trả tiền mượn từ các tổ chức và cá nhân khác	2.170.895.358	100.000.000
- Phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trắng Tân Phước	465.886.000	-
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	1.793.041.952	1.293.041.952
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	-	6.803.933.715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.042.471.357	3.153.483.868
Cộng	11.103.996.834	15.673.370.052

16. Vay và nợ thuê tài chính

(*) Vay ngắn hạn	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(a) - NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	-	65.983.273.280	49.253.273.280	16.730.000.000	16.730.000.000
- NH TMCP An Bình	-	-	8.151.273.280	8.151.273.280	-	-
(b) - NH TMCP Sài Gòn (SCB)	-	-	2.019.835.086	-	2.019.835.086	2.019.835.086
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	5.955.930.765	5.955.930.765	-	-	17.078.620.852	17.078.620.852
Cộng	5.955.930.765	5.955.930.765	76.154.381.646	57.404.546.560	35.828.455.938	35.828.455.938

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(**) Vay dài hạn

(c) - NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	303.200.000	303.200.000	-	119.240.000	183.960.000	183.960.000
- NH TMCP Phát triển TP.HCM	8.003.894.079	8.003.894.079	-	8.003.894.079	-	-
(d) - NH TMCP XNK Việt Nam	458.000.000	458.000.000	-	110.400.000	347.600.000	347.600.000
(e) - NH TMCP Sài Gòn (SCB)	-	-	61.507.929.373	4.099.402.368	57.408.527.005	57.408.527.005
(f) - Nợ thuê tài chính tại VILC	23.465.556.896	23.465.556.896	-	4.302.018.765	19.163.538.131	19.163.538.131
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(5.955.930.765)	(5.955.930.765)	-	-	(17.078.620.852)	(17.078.620.852)
Cộng	26.274.720.210	26.274.720.210	61.507.929.373	16.634.955.212	60.025.004.284	60.025.004.284

Ngắn hạn

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bình Thuận theo hợp đồng tín dụng số 1SIBICO/2015/HĐTD ngày 02/02/2016 và phụ lục hợp đồng số 02.2016/SIBICO ngày 21/6/2016 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: giá trị quyền sử dụng đất của 04 thửa đất với tổng giá trị đảm bảo là 5.078.722.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là **16.730.000.000 đồng**.

(b) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng Tín dụng Ngắn hạn hạn mức số 72/HĐTDHM-SCB-CNGĐ.16 ngày 24/02/2016 với tổng hạn mức được cấp là 3 tỷ đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO" tại địa chỉ Lô A2, Cụm Công nghiệp Thắng Hải 1, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và Tài sản hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO". Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 8,50% - 11,00%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là **2.019.835.086 đồng**.

Dài hạn

(c): Vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTD ngày 07/4/2017 với số tiền vay là 520.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng (đến ngày 07/4/2018). Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là: 13,55%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **183.960.000 đồng**, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là: 140.920.000 đồng.

(d): Vay từ Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM theo Hợp đồng Tín dụng số 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,50%/năm. Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **347.000.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 110.400.000 đồng.

(e): Vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn theo các hợp đồng:

- Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 338/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 03/8/2016 với số tiền vay là 588.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 11%/năm. Mục đích vay là thanh toán tiền mua xe Mitsubishi Pajero. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **548.800.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 117.600.000 đồng.

- Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 182/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 06/5/2016 và 6 phụ lục bổ sung với số tiền được vay là 30 tỷ đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,60%/năm. Mục đích vay hoàn lại phần vốn tự có mà Công ty CP Đầu tư & Phát triển CN Bảo Thư đã sử dụng để đầu tư dự án "Nhà máy Chế biến Cát Bình Thuận" tại Lô A1, Cụm Công nghiệp Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba. Nợ gốc được trả hàng Quý. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **27.412.797.632 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 6.315.789.472 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Hợp đồng tín dụng số 102/HỆTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 10/3/2016 với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe Toyota Hilux. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày là 31/12/2016 là **424.400.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 100.800.000 đồng.

- Hợp đồng Tín dụng Trung dài hạn hạn mức số 69/HỆTDHM-SCB-CNGĐ.16 ngày 24/02/2016 với tổng hạn mức được cấp là 31 tỷ đồng. Mục đích vay đầu tư xây dựng hệ thống nhà máy gạch Tuynel tại cụm công nghiệp Thăng Hải 1, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận giai đoạn 1. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO" tại địa chỉ Lô A2, Cụm Công nghiệp Thăng Hải 1, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và Tài sản hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO". Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,55%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là **29.022.529.373 đồng**, trong đó bao gồm nợ dài hạn đến hạn trả là 5.600.000.000 đồng.

(f) **Nợ thuê tài chính** theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00226-000 ngày 20/11/2015:

Bên cho thuê:	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	
Bên bảo lãnh:	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (Bidico)	
Thời hạn thuê:	60 tháng	
Lãi suất thuê:	8,3%/năm	
Phương thức trả tiền thuê:	Thanh toán sau mỗi tháng	
Giá trị mua lại:	138.098.000 VND	
Số tiền còn phải trả đến 31/12/2016		19.163.538.131
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả		(4.693.111.380)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328.000.000.000	248.800.000.000	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	42.209.298.924	10.875.723.702	32.800.000.000	20.285.022.626
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	3.247.538.477	-	3.247.538.477
Cộng	370.209.298.924	262.923.262.179	32.800.000.000	600.332.561.103

	01/01/2016	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	576.800.000.000	-	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	20.285.022.626	7.168.593.851	-	27.453.616.477
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3.247.538.477	263.608.405	-	3.511.146.882
Cộng	600.332.561.103	7.432.202.256	-	607.764.763.359

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.680.000	57.680.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.466,84	2.032,70
Nợ khó đòi đã xử lý	1.494.533.208	1.434.533.208

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	140.474.799.822	59.119.018.558
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	-	63.651.350.775
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng doanh thu	140.474.799.822	122.770.369.333
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Chiết khấu thương mại	(37.372.562)	-
+ Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	-	(20.077.265.319)
Cộng	140.437.427.260	102.693.104.014
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	114.535.317.184	37.231.927.053
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	-	22.871.124.414
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
- Giá vốn hàng bán trả lại	-	(12.046.359.192)
Cộng	114.535.317.184	48.056.692.275

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.566.701	15.264.394
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi ứng tiền trước	1.463.343.750	-
- Lãi cho vay	-	120.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	668.930.422	20.748.407
Cộng	2.143.840.873	156.012.801
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	4.360.634.454	1.154.715.339
- Dự phòng đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	486.227.772	6.259.020
- Chi phí tài chính khác	78.742.446	-
Cộng	4.925.604.672	1.160.974.359
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	264.016.268	1.029.371.938
- Chi phí bao bì, dụng cụ	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	18.750.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu là chi phí vận chuyển)	10.886.063.969	3.782.017.018
- Chi phí khác bằng tiền	150.479.073	61.372.000
Cộng	11.300.559.310	4.891.510.956
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.679.093.936	3.881.272.752
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	177.670.719	124.473.898
- Chi phí khấu hao TSCĐ	810.850.698	540.213.609
- Thuế, phí và lệ phí	34.264.938	37.180.237
- Chi phí dự phòng	922.042.345	3.579.298.655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu chi phí tiền điện, bảo vệ, thuê văn phòng, chi phí tư vấn,...)	2.529.738.304	5.940.908.960
- Chi phí khác bằng tiền	3.726.159.049	2.108.485.182
Cộng	12.879.819.989	16.211.833.293
7. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ xử lý chênh lệch về thuế phải nộp các năm trước	2.925.877.506	-
- Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	4.263.000.000	-
- Thu nhập từ khoản công nợ không phải trả	668.749.567	-
- Thu nhập khác	437.301.291	62.097.062
Cộng	8.294.928.364	62.097.062

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
8. Chi phí khác		
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 31/12/2015	-	275.827.675
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	-	3.092.578.876
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	6.550.072	1.295.745.616
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	-	46.770.105
- Xử lý công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi	204.580.649	1.434.533.208
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	-	5.213.894.400
- Chi phí mỏ cát Tân Hà không còn thực hiện	-	4.687.046.377
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	189.873.339
- Chi phí khác	515.030.912	112.485.745
Cộng	726.161.633	16.348.755.341
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại:		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	155.031.453	5.105.139.371
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	-	373.046.102
Cộng	155.031.453	5.478.185.473
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.168.593.851	10.875.723.703
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.168.593.851	10.875.723.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57.680.000	39.139.288
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	124	278
11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phần phổ thông	7.168.593.851	10.875.723.703
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	7.168.593.851	10.875.723.703
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57.680.000	39.139.288
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	57.680.000	39.139.288
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	124	278

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nhóm Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Cam kết khác

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyển tải Lagi đến công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất Động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m² đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 31/12/2016, Nhóm Công ty báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	Bình Thuận	Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đồng Nai	Loại trừ	Cộng
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	140.437.427.260	-	-	-	-	140.437.427.260
Giữa các bộ phận	24.869.235.403	-	-	-	(24.869.235.403)	-
Tổng cộng doanh thu thuần	115.568.191.857	-	-	-	(24.869.235.403)	140.437.427.260
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp	25.902.110.076	-	-	-	-	25.902.110.076
Chi phí hoạt động	23.111.716.732	3.847.000	1.628.000	1.063.187.567	-	24.180.379.299
Thu nhập tài chính	6.227.222.672	4.265	906	57.559	(4.083.444.529)	2.143.840.873
Chi phí tài chính	7.611.362.329	-	-	-	2.685.757.657	4.925.604.672
Lợi nhuận / (lỗ) khác	7.568.738.730	9.000	-	19.000	-	7.568.766.730
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	8.974.992.418	(3.833.735)	(1.627.094)	(1.063.111.008)	(1.397.686.872)	6.508.733.709
Chi phí thuế TNDN	155.031.453	-	-	-	-	155.031.453
Lợi nhuận sau thuế	8.819.960.965	(3.833.735)	(1.627.094)	(1.063.111.008)	(1.397.686.872)	6.353.702.256
Tài sản và nợ phải trả						
Tài sản của bộ phận	1.294.929.283.594	30.039.074.176	2.252.412.906	21.231.055.139	(540.700.362.865)	807.751.462.950
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	1.294.929.283.594	30.039.074.176	2.252.412.906	21.231.055.139	(540.700.362.865)	807.751.462.950
Nợ phải trả của bộ phận	411.928.286.975	13.149.000	4.040.000	2.044.666.147	(214.003.442.531)	199.986.699.591
Mua sắm tài sản cố định	25.649.650.639	-	-	-	-	25.649.650.639
Chi phí khấu hao	2.551.992.412	-	-	-	-	2.551.992.412

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(2.887.753.081)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	(400.000.000)

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Ban Giám đốc Công ty		Thu nhập	(686.382.979)

5. Quản lý rủi ro tài chính

5.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Nhóm Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Trong năm tài chính này, Nhóm Công ty không chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng lãi(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (1.917.069.204) đồng.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Nhóm Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Nhóm Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Nhóm Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Nhóm Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.828.455.938	60.025.004.284	95.853.460.222
- Phải trả người bán	16.470.434.960	-	16.470.434.960
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	68.781.486.976	-	68.781.486.976
Cộng	121.080.377.874	60.025.004.284	181.105.382.158

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Nhóm Công ty tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng (thuyết minh tại mục số 9 và 18 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

5.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Nhóm Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Nhóm Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Nhóm Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư ngân hàng

Nhóm Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Nhóm Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Nhóm Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Nhóm Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 408.443.684.612 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2016
Tổng gộp	5.558.567.000
Trừ dự phòng giảm giá trị	(4.471.341.000)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	1.087.226.000

Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu

Lê Văn Thật
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

